

Bản án số: 1741/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-09-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Hiếu,
2. Ông Nguyễn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 868/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **T.L.X.Q.**, sinh năm 1992,
Số CCCD: 079192001xxx.

Thường trú: 12345 Bạch Đằng, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 150 Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **L.X.S.**, sinh năm 1990,
Số CCCD: 031090000xxx.

Thường trú: 12345 Bạch Đằng, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà T.L.X.Q. trình bày:*

Bà T.L.X.Q. và ông L.X.S. tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/5/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ tháng 04/2019. Ông L.X.S. thường xuyên bỏ đi, không quan tâm đến gia đình, thiếu trách nhiệm không quan tâm chăm sóc, nuôi dạy con chung; đồng thời, bà T.L.X.Q. thường bị ông L.X.S. xúc phạm bằng lời nói. Do hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể giải quyết được, bà T.L.X.Q. yêu cầu ly hôn ông L.X.S..

Về con chung: Có một con chung tên LQV, sinh ngày 28/09/2017. Bà Quỳnh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung do bà T.L.X.Q. đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vy từ năm 2019 đến nay. Bà T.L.X.Q. không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà T.L.X.Q. không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông L.X.S.:*

Bị đơn ông L.X.S. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/06/2023 và 06/7/2023 nhưng ông L.X.S. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.X.S..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà T.L.X.Q. khởi kiện bị đơn ông L.X.S., cư trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn và đề nghị giao con chung cho bà T.L.X.Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà T.L.X.Q. yêu cầu ly hôn ông L.X.S., giao con chung tên LQV cho bà T.L.X.Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà T.L.X.Q. không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung; bà T.L.X.Q. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn bà T.L.X.Q. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.X.S. nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Căn cứ đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và căn cứ các kết quả trả lời Quyết định số 407/2023/QĐ-CCTLCC ngày 02/03/2023, Quyết định số 882/2022/QĐ-CCTLCC ngày 26/05/2022 và Quyết định số 881/2022/QĐ-CCTLCC ngày 29/08/2022 của Công an phường Hiệp Thành, Quận 12, Công an Phường 12, quận Bình Thạnh và Công an Phường 15, quận Bình Thạnh, có đủ cơ sở xác định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông L.X.S. là 12345 Bạch Đằng, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà T.L.X.Q. có Đơn đề ngày 07/07/2023 yêu cầu giải quyết vắng mặt tại các phiên xét xử và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà T.L.X.Q..

Xét bị đơn ông L.X.S. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.X.S..

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 18/05/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông L.X.S. và bà T.L.X.Q. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà T.L.X.Q. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà T.L.X.Q. vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông L.X.S. vì mâu thuẫn phát sinh từ lâu khiến tình cảm vợ chồng giữa bà T.L.X.Q. và ông L.X.S. đã không còn.

Đối với bị đơn ông L.X.S., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông L.X.S. thực hiện quyền tranh tụng, nhưng ông L.X.S. cũng không có ý kiến. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T.L.X.Q., ông L.X.S. có tồn tại mâu thuẫn; cả hai sống xa cách, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà T.L.X.Q. về việc ly hôn ông L.X.S. có cơ sở để chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà T.L.X.Q. trong quá trình giải quyết vụ án, bà T.L.X.Q. và ông L.X.S. có một con chung tên Lương Quỳnh Vy, sinh ngày 28/09/2017. Bà T.L.X.Q. yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Quỳnh Vy.

Nhận thấy bà T.L.X.Q. hiện đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ LQV. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tình hình thực tế cũng như quyền lợi về mọi mặt của trẻ Lương Quỳnh Vy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở giao trẻ LQV cho bà T.L.X.Q. trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Xét tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, việc bà T.L.X.Q. không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà T.L.X.Q. không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Xét không đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà T.L.X.Q. phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 19, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà T.L.X.Q. được ly hôn ông L.X.S..

2. Về con chung: Có một con chung tên LQV, sinh ngày 28/09/2017.

2.1. Giao con chung tên LQV cho bà T.L.X.Q. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T.L.X.Q. về việc không yêu cầu ông L.X.S. cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T.L.X.Q. phải chịu, được cản trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0049598 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T.L.X.Q. đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 15, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân